

Số: 431/2018/QĐHNGĐ-ST

Quận 11, ngày 13 tháng 8 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ Hồ sơ việc “yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn” thụ lý số 391/2018/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2018, giữa:

Người yêu cầu: Ông Phan Trung H, sinh năm 1987; địa chỉ: xx Khu phố x, phường xx, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người yêu cầu: Bà Nguyễn Thị Ngọc A, sinh năm 1984; địa chỉ: xx ấp xx, xã xx, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre. Tạm trú: xxx Thái Phiên, Phường x, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự lập ngày 03 tháng 8 năm 2018,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Sự thỏa thuận của hai bên bảo đảm quyền lợi chính đáng của các bên.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự mà không có đương sự nào thay đổi ý kiến.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Ông Phan Trung H, sinh năm 1987; địa chỉ: xx Khu phố x, phường xx, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh;

Bà Nguyễn Thị Ngọc A, sinh năm 1984; địa chỉ: xx ấp xx, xã xx, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre. Tạm trú: xxx Thái Phiên, Phường x, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

a) Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc A và ông Phan Trung H thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 32, Quyền số 1/2014 do Ủy ban nhân dân phường xx, Quận 2 cấp ngày 26/11/2014 không còn giá trị pháp lý.

b) Về con chung: Không có.

c) Về tài sản chung: Không có; không yêu cầu Tòa án giải quyết.

d) Về nợ chung: Không có.

3. Về lệ phí: Ông Phan Trung H và bà Nguyễn Thị Ngọc A cùng chịu tiền lệ phí hôn nhân gia đình là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0008987 ngày 12/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh; ông H và bà A đã nộp đủ tiền lệ phí.

4. Các quyền, nghĩa vụ thi hành án của các đương sự được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

6. Trong trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- VKSND Quận 11;
- Chi cục THADS Quận 11;
- Các đương sự;
- UBND phường xx, Quận 2;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Cơ Dũng